

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG DOANH NGHIỆP Ở VÙNG ĐÔNG NAM BỘ - THỰC TRẠNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

HOÀNG XUÂN SON^(*)

Ngày nhận bài: 26/01/2026 Ngày thẩm định: 30/01/2026 Ngày duyệt đăng: 27/02/2026

Tóm tắt: Phát triển bền vững là xu thế toàn cầu và là yêu cầu trong chiến lược của Việt Nam, đặc biệt tại các vùng kinh tế trọng điểm. Từ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển bền vững, bài viết phân tích thực trạng phát triển bền vững doanh nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ, từ đó đề xuất một số khuyến nghị để phát triển bền vững doanh nghiệp với “hạt nhân” Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh mới.

Từ khóa: doanh nghiệp; Đông Nam Bộ; phát triển bền vững; Thành phố Hồ Chí Minh

1 Đặt vấn đề
Phát triển bền vững doanh nghiệp được hiểu là mô hình quản trị chiến lược nhằm tối ưu hóa sự tăng trưởng về quy mô vốn và lợi nhuận mà không tách rời trách nhiệm hài hòa giữa tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái. Phát triển bền vững doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở các chỉ số tài chính ngắn hạn, mà là quá trình chuyển dịch mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tại khu vực Đông Nam Bộ, phát triển bền vững doanh nghiệp thể hiện qua sự lớn mạnh không ngừng về số lượng và chất lượng của cộng đồng doanh nghiệp trong thời gian qua. Đây là thực thể giữ vai trò động lực cốt lõi, đóng góp trực tiếp vào tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm và bảo đảm ngân sách quốc gia, đồng thời là

nhân tố quyết định khả năng đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến các thế hệ tương lai.

Theo Ủy ban Môi trường và Phát triển thế giới (WCED) của Liên hợp quốc, phát triển bền vững “là sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại, nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau”⁽¹⁾. Tại Đại hội lần thứ XII, Đảng có bước phát triển mới trong nhận thức và tư tưởng về phát triển bền vững với nội dung cốt lõi: “Phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô và không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu”⁽²⁾. Đến Đại hội lần thứ XIII, Đảng chủ trương: “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”⁽³⁾. Đối với vùng kinh tế

^(*) TS, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Đông Nam Bộ, Đại hội xác định: “tập trung phát triển mạnh khoa học, công nghệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, đi đầu trong chuyển đổi mô hình tăng trưởng, xây dựng kinh tế số, xã hội số; sản xuất các thiết bị điện, điện tử, công nghiệp chế biến, chế tạo; tài chính ngân hàng, bất động sản...”⁽⁴⁾.

Tại Đại hội lần thứ XIV, Đảng chủ trương: “Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững đất nước, kiên quyết tháo gỡ kịp thời, dứt điểm các điểm nghẽn, nút thắt, khơi thông và giải phóng sức sản xuất, mọi nguồn lực, phát huy mọi động lực”⁽⁵⁾ và “Đẩy mạnh liên kết vùng, nội vùng, mở rộng và tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới... Đổi mới tư duy từ quản lý sang quản trị, kiến tạo phát triển vùng... Phát huy vai trò của các vùng động lực quốc gia, cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế, các đô thị lớn, các trung tâm kinh tế. Hoàn thiện cơ chế, chính sách điều phối và quản lý phát triển vùng”⁽⁶⁾.

Thành phố Hồ Chí Minh là đầu tàu kinh tế năng động nhất cả nước, sự thịnh vượng của khu vực này dựa trên mối liên kết vùng chặt chẽ. Do đó, phát triển bền vững doanh nghiệp không chỉ là nhiệm vụ chính trị để thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị “về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” và Nghị quyết số 31-NQ/TW ngày 30/12/2022 của Bộ Chính trị “về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, mà còn là điều kiện tiên quyết để bảo đảm sự phát triển ổn định, lâu dài cho toàn bộ hệ sinh thái kinh tế trọng điểm phía Nam.

2. Thực trạng phát triển bền vững doanh nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ

* Kết quả đạt được

Để phát triển bền vững khu vực doanh nghiệp, Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định: “Đến năm 2030, có ít nhất 02 triệu

doanh nghiệp” và “tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt 40%”⁽⁷⁾. Đại hội lần thứ XIII của Đảng chủ trương: “Xây dựng và phát triển các định chế tài chính hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ; hỗ trợ chuyển đổi hộ sản xuất, kinh doanh thành doanh nghiệp. Điều chỉnh các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp theo hướng thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, mang tầm quốc gia và thể hiện tính liên ngành, liên vùng; xây dựng chương trình hỗ trợ chuyển đổi số cho doanh nghiệp Việt Nam”⁽⁸⁾ và “khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, mở rộng thị trường, cải thiện thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động và tham gia các hoạt động xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp”⁽⁹⁾.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phát triển bền vững doanh nghiệp vùng Đông Nam Bộ với “hạt nhân” Thành phố Hồ Chí Minh đạt được *những kết quả nổi bật*:

Thứ nhất, số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và đang hoạt động tại vùng Đông Nam Bộ luôn có xu hướng tăng dần và luôn lớn nhất so với các vùng kinh tế khác của cả nước

Về số lượng doanh nghiệp thành lập mới thời gian qua với xu hướng chung là tăng dần qua mỗi năm và luôn đứng đầu về số lượng doanh nghiệp thành lập mới so với các vùng kinh tế còn lại của cả nước. Theo số liệu của Cục Thống kê đến năm 2024, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong vùng Đông Nam Bộ là 65.883 doanh nghiệp. Vùng Đông Nam Bộ có số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới nhiều nhất là Thành phố Hồ Chí Minh (48.664 doanh nghiệp) và thấp nhất là Tây Ninh (865 doanh nghiệp)⁽¹⁰⁾.

Về số lượng doanh nghiệp đang hoạt động, xu hướng chung là tăng dần qua mỗi năm và luôn đứng đầu về số lượng doanh nghiệp đang hoạt động so với các vùng kinh tế còn lại của cả nước. Trong vùng Đông

Nam Bộ, Thành phố Hồ Chí Minh luôn có số lượng doanh nghiệp đang hoạt động cao nhất (269.874 doanh nghiệp) và thấp nhất là Tây Ninh (5.246 doanh nghiệp). Theo số liệu của Cục Thống kê đến năm 2024, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trong vùng Đông Nam Bộ là 367.881 doanh nghiệp⁽¹¹⁾.

Thứ hai, doanh nghiệp vùng Đông Nam Bộ luôn thu hút nguồn vốn tham gia vào quá trình sản xuất, kinh doanh tăng dần qua các năm và luôn trong nhóm địa phương đứng đầu cả nước

Vốn sản xuất, kinh doanh bình quân của các doanh nghiệp đang hoạt động trong vùng Đông Nam Bộ có xu hướng chung là tăng dần. Theo số liệu của Cục Thống kê đến năm 2024, vốn sản xuất, kinh doanh của khu vực doanh nghiệp vùng Đông Nam Bộ là 17.213.810 tỷ đồng, chiếm 27,78% nguồn vốn được huy động của khu vực doanh nghiệp cả nước. Trong vùng Đông Nam Bộ, vốn sản xuất, kinh doanh của khu vực doanh nghiệp nhiều nhất là Thành phố Hồ Chí Minh (11.942.130 tỷ đồng) và thấp nhất là Bình Phước (308.180 tỷ đồng)⁽¹²⁾.

Qua các số liệu ở trên cho thấy, khu vực doanh nghiệp vùng Đông Nam Bộ chỉ xếp sau vùng đồng bằng sông Hồng về thu hút nguồn vốn vào sản xuất, kinh doanh với tỷ lệ không nhiều (3,3%), tuy vậy, vốn sản xuất, kinh doanh của khu vực doanh nghiệp vùng Đông Nam Bộ với xu hướng chung luôn tăng dần qua các năm. Đây là những tiền đề rất quan trọng để khu vực doanh nghiệp vùng Đông Nam Bộ tiếp tục bứt phá phát triển bền vững kinh tế vùng trong thực hiện chủ trương của Đảng.

Thứ ba, số lượng doanh nghiệp có quy mô lớn về vốn và quy mô lớn lao động vùng Đông Nam Bộ luôn chiếm tỷ lệ lớn nhất cả nước

Về quy mô vốn, theo số liệu của Cục Thống kê đến năm 2024, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh với quy mô vốn từ 200 tỷ đồng trở lên của vùng Đông Nam Bộ là 9.133 doanh nghiệp (gồm 4.973 doanh nghiệp có vốn từ 200 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng,

4.160 doanh nghiệp có vốn từ 500 tỷ đồng trở lên), chiếm 40,43% doanh nghiệp quy mô vốn lớn của cả nước; vùng đồng bằng sông Hồng là 7.790 doanh nghiệp, chiếm 34,49%; vùng Trung du và miền núi phía Bắc là 1.202 doanh nghiệp, chiếm 5,32%; vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung là 2.212 doanh nghiệp, chiếm 9,79%; vùng đồng bằng sông Cửu Long là 1.718 doanh nghiệp, chiếm 7,61% và vùng Tây Nguyên là 414 doanh nghiệp, chiếm 1,83%⁽¹³⁾. Trong vùng Đông Nam Bộ, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh với quy mô vốn từ 200 tỷ đồng trở lên nhiều nhất là Thành phố Hồ Chí Minh với 5.875 doanh nghiệp, chiếm 64,33% doanh nghiệp quy mô vốn lớn của toàn vùng và thấp nhất là Bình Phước với 274 doanh nghiệp, chiếm 3%⁽¹⁴⁾.

Về quy mô lao động, theo số liệu của Cục Thống kê đến năm 2023, số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh với quy mô lao động trên 1.000 người của vùng Đông Nam Bộ là 657 doanh nghiệp, chiếm 37,14% doanh nghiệp quy mô lao động lớn của cả nước, trong đó, số lượng doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh với quy mô lao động từ 1.000 người trở lên nhiều nhất là Thành phố Hồ Chí Minh với 291 doanh nghiệp, chiếm 44,29% doanh nghiệp quy mô lao động lớn của vùng và thấp nhất là Bình Phước với 19 doanh nghiệp, chiếm 2,89%⁽¹⁵⁾.

Ngoài ra, theo VNR500, năm 2024, trong số 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam thì Đông Nam Bộ có tới 228 doanh nghiệp, tức là chiếm 45,6% số doanh nghiệp lớn nhất của cả nước. Trong vùng Đông Nam Bộ, số doanh nghiệp lớn tập trung nhiều nhất tại Thành phố Hồ Chí Minh với 175 doanh nghiệp, chiếm 76,75% của toàn vùng và 35% của cả nước⁽¹⁶⁾.

Như vậy, doanh nghiệp lớn (cả về quy mô vốn và quy mô lao động), luôn tập trung nhiều nhất trong vùng Đông Nam Bộ và

Thành phố Hồ Chí Minh, nên muốn phát triển bền vững vùng Đông Nam Bộ cần có những chính sách phù hợp để tiếp tục nuôi dưỡng, tạo điều kiện cho những doanh nghiệp lớn trong vùng phát triển bền vững, đồng thời phải thực hiện và thúc đẩy vai trò đầu tàu, trung tâm trong liên kết phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình phát triển bền vững vùng.

Thứ tư, doanh nghiệp vùng Đông Nam Bộ luôn có đóng góp rất lớn trong giải quyết vấn đề lao động và việc làm, cũng như thu nhập của người lao động

Về giải quyết vấn đề lao động và việc làm, thời gian qua, tổng số lao động trong các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh của vùng Đông Nam Bộ luôn có xu hướng tăng dần và luôn đứng đầu so với các vùng khác trong cả nước. Theo số liệu của Cục Thống kê đến năm 2023, tổng số lao động trong các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh của vùng Đông Nam Bộ là 5.358.897 lao động. Trong vùng Đông Nam Bộ, tổng số lao động trong các doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất, kinh doanh nhiều nhất là Thành phố Hồ Chí Minh (2.891.944 lao động), thấp nhất là Bình Phước (137.719 lao động)⁽¹⁷⁾.

Mặt khác, khi so sánh tổng số việc làm được tạo ra giữa khu vực doanh nghiệp với các khu vực kinh tế khác trong vùng Đông Nam Bộ thì tổng số việc làm được tạo ra bởi khu vực doanh nghiệp đang hoạt động trong vùng luôn chiếm trên 50% số việc làm của toàn vùng. Theo số liệu của Cục Thống kê đến năm 2023, tổng số lao động của toàn vùng là 10.458,51 nghìn lao động thì trong khu vực doanh nghiệp là 5.358.897 lao động, chiếm 51,24% lao động của toàn vùng⁽¹⁸⁾. Như vậy, về giải quyết vấn đề lao động và việc làm trong vùng Đông Nam Bộ, khu vực doanh nghiệp luôn đóng góp nhiều nhất, vì vậy khi phát triển bền vững vùng phải gắn liền với phát triển bền vững khu vực doanh nghiệp trong vùng.

Về thu nhập bình quân một tháng của người lao động trong doanh nghiệp đang hoạt động ở vùng Đông Nam Bộ có xu hướng chung là tăng dần qua các năm và luôn đứng đầu so với các vùng khác và trung bình của cả nước. Theo số liệu của Cục Thống kê đến năm 2023, thu nhập bình quân một tháng của người lao động trong doanh nghiệp đang hoạt động trong vùng Đông Nam Bộ là 12.835 nghìn đồng, trong đó, Thành phố Hồ Chí Minh có thu nhập bình quân của người lao động cao nhất với 14.324 nghìn đồng/tháng và Bình Phước có thu nhập thấp nhất với 8.808 nghìn đồng⁽¹⁹⁾.

** Hạn chế và nguyên nhân*

Thời gian qua, phát triển bền vững doanh nghiệp cả nước nói chung, vùng Đông Nam Bộ nói riêng vẫn còn nhiều hạn chế. Các thành phần kinh tế phát triển nhưng chưa đáp ứng kỳ vọng. Việc thực hiện vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước còn hạn chế. Tổ chức kinh tế tập thể, hợp tác xã phần lớn có quy mô nhỏ, năng lực nội tại còn yếu. Kinh tế tư nhân phát triển nhưng thiếu tính bền vững, chưa đáp ứng được vai trò là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế⁽²⁰⁾. Khoảng 95 - 96% doanh nghiệp trong nước là doanh nghiệp nhỏ⁽²¹⁾. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chưa tạo được tác động lan tỏa tới các khu vực kinh tế trong nước. Đa số doanh nghiệp thiếu sức cạnh tranh, hiệu quả hoạt động và kỹ năng quản trị còn hạn chế.

Đối với vùng Đông Nam Bộ, mặc dù phát triển khu vực doanh nghiệp luôn dẫn đầu cả nước, nhưng quá trình phát triển vẫn bộc lộ những điểm nghẽn mang tính cấu trúc: *Thứ nhất*, mặc dù số lượng doanh nghiệp đăng ký mới có xu hướng tăng dần qua các năm (đạt 65.883 doanh nghiệp vào năm 2024), nhưng phần lớn vẫn tập trung ở phân khúc doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ. Điều này tạo ra một hệ sinh thái doanh nghiệp có “bề rộng” nhưng thiếu “chiều sâu”, dẫn đến khả năng chống chịu kém trước các cú sốc kinh

tế và hạn chế trong việc đóng góp vào chuỗi giá trị toàn cầu. Thứ hai, việc chuyển đổi từ mô hình kinh tế dựa trên thâm dụng lao động và tài nguyên sang mô hình dựa trên tri thức và công nghệ tại vùng Đông Nam Bộ vẫn còn chậm, chưa tương xứng với vị thế “hạt nhân” kinh tế của khu vực.

Nguyên nhân của những hạn chế trong công tác quản lý và vận hành kinh tế là: Một là, việc triển khai các định chế tài chính hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ vẫn chưa tạo ra được một “bệ đỡ” đủ mạnh để thúc đẩy các hộ kinh doanh chuyển đổi lên mô hình doanh nghiệp một cách bài bản. Các hoạt động hỗ trợ còn thiếu tính liên ngành, liên vùng, chưa thực sự tạo thành một chính thể thống nhất mang tầm quốc gia để tối ưu hóa nguồn lực. Hai là, việc nâng cao trình độ công nghệ và mở rộng thị trường đòi hỏi nguồn vốn lớn và nhân sự chất lượng cao. Tuy nhiên, năng lực nội tại của khu vực kinh tế tư nhân trong vùng còn hạn chế, dẫn đến việc khó khăn trong thực hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường và tham gia sâu vào các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số do Nhà nước khởi xướng.

3. Khuyến nghị

Đại hội lần thứ XIV của Đảng xác định nhiệm vụ: “Hoàn thiện thể chế để nâng cao năng lực tự chủ của nền kinh tế và hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, sức mạnh tổng hợp và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi nhất để phát triển các doanh nghiệp Việt Nam”⁽²²⁾. Đại hội cũng đề ra các nhiệm vụ, dự án, đề án, công trình quan trọng giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “Xây dựng Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp mới nổi”⁽²³⁾.

Để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, cần phát triển bền vững doanh nghiệp, trong đó vùng Đông Nam Bộ là khu

vực có vai trò quan trọng của cả nước. Vì vậy, cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi sau:

Thứ nhất, khẳng định vai trò động lực của khu vực doanh nghiệp trong việc hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược. Thực tiễn thời gian qua cho thấy, khu vực doanh nghiệp đã đóng góp hiệu quả vào các tiêu chí phát triển bền vững như “tăng trưởng kinh tế ổn định” và “nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân”. Đây là lực lượng nòng cốt để hiện thực hóa mục tiêu của Đảng về việc phấn đấu đến năm 2030 đạt ít nhất 02 triệu doanh nghiệp đang hoạt động⁽²⁴⁾. Do đó, việc duy trì đà tăng trưởng và phát triển bền vững của vùng Đông Nam Bộ phải gắn liền với các giải pháp nuôi dưỡng và phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp.

Thứ hai, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả thể chế phát triển bền vững. Cụ thể hóa các nghị quyết của Trung ương về liên kết vùng, cơ chế đặc thù như Nghị quyết số 24-NQ/TW; Nghị quyết số 31-NQ/TW; Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội “về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh”; Nghị quyết số 260/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội “sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội “về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh”” và Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội “về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh”. Trọng tâm là phải phát huy được vai trò đầu tàu, trung tâm liên kết của “hạt nhân” Thành phố Hồ Chí Minh trong tổng thể bức tranh kinh tế - xã hội của vùng, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho sự bứt phá.

Thứ ba, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và hoàn thiện kết cấu hạ tầng chiến lược. Chính phủ cần đẩy mạnh hơn nữa việc thí điểm phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực trọng yếu nhằm huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Trong đó, đầu tư công phải đóng vai trò dẫn dắt, tập trung

vào xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu để tạo nền tảng phát triển. Đặc biệt, cần sớm thí điểm các cơ chế, chính sách đột phá để xây dựng “hạt nhân” Thành phố Hồ Chí Minh trở thành trung tâm tài chính quốc tế, tạo động lực thu hút vốn cho toàn vùng.

Thứ tư, kiến tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, công khai, minh bạch, ổn định và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chính quyền các địa phương sau sắp xếp cần nhanh chóng đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hướng tới chính quyền số và nền kinh tế số. Cần nâng cao hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa về vốn, công nghệ và tham gia chuỗi giá trị. Đồng thời, phải xây dựng cơ chế liên kết đào tạo giữa nhà trường và doanh nghiệp, thu hút các tập đoàn lớn đầu tư vào giáo dục và khoa học, công nghệ để cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao. Cùng với đó là các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng chiến lược phát triển dựa trên tri thức, đổi mới sáng tạo để nâng cao năng suất lao động và thu nhập.

Thứ năm, tăng cường tính chủ động, liên kết và đạo đức kinh doanh trong cộng đồng doanh nghiệp. Các doanh nghiệp cần chủ động tăng cường hợp tác theo mô hình cụm, nhóm để tránh đầu tư chồng chéo và gia tăng khả năng tham gia chuỗi cung ứng. Cần ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ của nhau để tiết kiệm chi phí và hỗ trợ lẫn nhau cùng phát triển. Bên cạnh việc ứng dụng công nghệ quản trị hiện đại của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cộng đồng doanh nghiệp phải chú trọng xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, đề cao đạo đức, tính minh bạch và tuân thủ pháp luật, kiên quyết nói “không” với tham nhũng.

Tóm lại, trong bối cảnh đẩy mạnh phát triển vùng, liên kết vùng, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và sắp xếp lại không gian phát triển sau sắp xếp đơn vị hành chính, doanh nghiệp ở vùng Đông Nam Bộ tiếp tục giữ vai trò quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế của vùng và cả nước. Tuy nhiên, để phát triển bền vững, khu vực này cần tiếp tục nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh, khả năng đổi mới và mức độ liên kết. Vì vậy, việc hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp thích ứng với bối cảnh mới là yêu cầu cần thiết. □

(1) Chỉ thị số 36/1998/CT-TW ngày 25/6/1998 của Bộ Chính trị “về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hóa đất nước”

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tr.270

(3), (4), (7) và (9) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.214, 256, 240 và 134

(5), (6), (20) và (21) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026, t.II, tr.82, 96-97, 117 và 249

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Sđd, t.II, tr.126,

(10), (11), (12), (13), (14), (17) và (18) Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê năm 2024*, Nxb Thống kê, 2025 tr.393, 396, 434, 495-496, 496, 416 và 164

(15) và (19) Tác giả tính toán từ số liệu của Cục Thống kê, *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam năm 2025*, Nxb Thống kê, 2025, tr.476 và 115-116

(16) Tổng hợp và tính toán của tác giả từ số liệu của VNR500 (<https://www.vnr500.com.vn/Charts/Index?chartId=1>)

(22), (23) và (24) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV*, Sđd, t.I, tr.89, 206 và 160